

Thanh Miện, ngày 21 tháng 10 năm 2021

Số: 26 /TB-HĐTD

THÔNG BÁO

**Kết quả thi môn Nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2)
và tiếp nhận đơn phúc khảo kết quả bài thi, kỳ tuyển dụng giáo viên và nhân
viên kế toán ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Thanh Miện năm 2021**

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế về tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Thực hiện Kế hoạch số 2836/KH-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc tổ chức tuyển dụng giáo viên và nhân viên kế toán các cơ sở giáo dục công lập ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2021 và Kế hoạch số 1691/KH-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của UBND huyện Thanh Miện về việc tổ chức tuyển dụng giáo viên và nhân viên kế toán ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Thanh Miện năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 2695/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thanh Miện về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng giáo viên và nhân viên kế toán ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Thanh Miện năm 2021;

Căn cứ kết quả thi môn Nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2), ngày 17/10/2021 Hội đồng tuyển dụng giáo viên và nhân viên kế toán ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2021 thông báo các nội dung như sau:

1. Kết quả thi môn Nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2)

(có kết quả bài thi của từng thí sinh kèm theo).

Kết quả thi môn Nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2) sẽ được Hội đồng tuyển dụng thông báo đến từng thí sinh.

2. Thời gian, địa điểm nộp đơn phúc khảo và lệ phí phúc khảo

Hội đồng tuyển dụng nhận đơn phúc khảo của thí sinh, như sau:

- Thời gian tiếp nhận: từ ngày 22/10/2021 đến hết ngày 05/11/2021.

- Địa điểm tiếp nhận: Thí sinh gửi trực tiếp về Hội đồng tuyển dụng giáo viên và nhân viên kế toán ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Thanh Miện năm 2021 (qua phòng Nội vụ huyện).

- Lệ phí phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi (theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính).

- Đơn đề nghị phúc khảo phải là văn bản giấy, do thí sinh trực tiếp làm và ký tên. Không chấm phúc khảo đối với các đơn phúc khảo bài thi nhận được sau thời hạn quy định nêu trên; không phúc khảo đối với các đơn đề nghị phúc khảo được gửi bằng thư điện tử, Fax, Telex.

Mọi chi tiết xin liên hệ với Hội đồng tuyển dụng (qua Phòng Nội vụ huyện theo số điện thoại 0977.031.306 - Thư ký Hội đồng tuyển dụng) để được hướng dẫn, giải quyết.

Hội đồng tuyển dụng thông báo để các thành viên Hội đồng, Ban Giám sát, các cơ quan, đơn vị có liên quan và các thí sinh dự thi biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thành viên Hội đồng tuyển dụng;
- Thành viên Ban Giám sát;
- Ban biên tập Trang thông tin huyện;
- Lưu: HĐTD.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**



**CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Nhữ Văn Cúc**

KẾT QUẢ THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (VÒNG 2)
KỶ TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN KẾ TOÁN
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN THANH MIỆN NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số: 26/TB-HĐTD ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng tuyển dụng giáo viên và nhân viên kế toán ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2021)

TT	SBD	Họ và tên người đăng ký dự tuyển	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
1	A000001	Đinh Thị Lâm Anh	Nữ	06/12/1996	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Đoàn Kết	80,5		80,5
2	A000002	Nguyễn Thị Cần	Nữ	31/12/1999	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Ngô Quyền	98		98
3	A000003	Đoàn Quỳnh Giang	Nữ	15/11/1997	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hồng Phong	89		89
4	A000004	Phan Thị Nguyệt Hà	Nữ	06/9/1997	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Đoàn Kết	97,5		97,5
5	A000005	Lê Thị Huế	Nữ	28/4/1998	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Lê Hồng	97,5		97,5
6	A000006	Phạm Thị Minh Huyền	Nữ	08/11/1999	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Đoàn Tùng	98		98
7	A000007	Phan Thị Hồng Linh	Nữ	01/8/1997	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Lê Hồng	88,5		88,5
8	A000009	Phạm Thị Mai	Nữ	06/4/1996	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Đoàn Kết	84		84
9	A000010	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	26/5/1998	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Ngô Quyền	96,5		96,5
10	A000011	Vũ Thị Như	Nữ	25/02/1996	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hồng Phong	96		96
11	A000012	Vũ Thị Thúy	Nữ	07/12/1995	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tân Trào	90,5		90,5
12	A000013	Phạm Thị Thu	Nữ	03/7/1999	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Đoàn Tùng	96		96
13	A210014	Trần Thị Giang	Nữ	24/01/1985	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non Chi Lăng Nam	87		87
14	A210015	Phạm Thị Hằng	Nữ	10/10/1990	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non Tứ Cường	80		80
15	A210016	Tạ Thị Hòa	Nữ	10/8/1988	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non Tứ Cường	95		95

TT	SBD	Họ và tên người đăng ký dự tuyển	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
16	A210017	Phạm Thị Hương	Nữ	13/6/1985	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non Tân Trào	93,5		93,5
17	A210018	Hứa Minh Khuê	Nữ	23/12/1995	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non Hong Quang	61,5		61,5
18	A210019	Phạm Thị Nhâm	Nữ	01/3/1983	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non Tân Trào	82		82
19	A210020	Nhữ Thị Thêu	Nữ	07/9/1990	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non Hong Quang	83		83
20	B010021	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	20/5/1990	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Đoàn Tùng	77		77
21	B010023	Trần Lệ Giang	Nữ	19/7/1991	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Ngũ Hùng	78,5		78,5
22	B010024	Đỗ Thị Giang	Nữ	17/3/1996	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Cao Thắng	76,5		76,5
23	B010025	An Thị Hát	Nữ	22/6/1988	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Tứ Cường	76		76
24	B010026	Ngô Thị Hiền	Nữ	02/8/1989	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Đoàn Kết	71,5		71,5
25	B010027	Hoàng Thị Hoa	Nữ	28/11/1997	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Lê Hồng	66		66
26	B010028	Trương Thị Thu Hường	Nữ	21/01/1990	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Ngô Quyền	77		77
27	B010029	Phan Thị Thanh Nga	Nữ	28/01/1995	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Tứ Cường	81		81
28	B010031	Vương Thanh Nhân	Nữ	19/7/1998	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Tứ Cường	72		72
29	B010032	Giang Thị Nhân	Nữ	30/4/1998	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Ngũ Hùng	72,5		72,5
30	B010033	Trần Thị Phương Nhung	Nữ	02/12/1993	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Thanh Tùng	82		82
31	B010034	Đặng Thị Sến	Nữ	07/9/1985	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Ngô Quyền	72,5		72,5
32	B010035	Đoàn Thị Thảo	Nữ	04/3/1996	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Chi Lăng Nam	69,5		69,5

TT	SBD	Họ và tên người đăng ký dự tuyển	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
33	B010036	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	05/02/1987	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Chi Lăng Bắc	80		80
34	B010037	Trương Thị Trang	Nữ	02/8/1997	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Phạm Kha	78,5		78,5
35	B010038	Hà Thùy Trang	Nữ	16/01/1998	Giáo viên Văn hóa	Trường Tiểu học Chi Lăng Bắc	82		82
36	B020040	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	24/02/1990	Giáo viên Âm nhạc	Trường Tiểu học Thị trần Thanh Miện	87		87
37	B060041	Đặng Văn Lực	Nam	29/7/1996	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Đoàn Kết	89		89
38	B060042	Dương Thị Minh	Nữ	06/6/1996	Giáo viên thể dục	Trường Tiểu học Lam Sơn	82		82
39	B060043	Vũ Thị Thơm	Nữ	16/3/1992	Giáo viên Thể dục	Trường Tiểu học Thanh Giang	84		84
40	B080044	Nguyễn Thị Điệp	Nữ	16/5/1978	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Thanh Giang	88		88
41	B080045	Phạm Thị Gấm	Nữ	28/3/1980	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Thanh Giang	86	5	91
42	B080046	Tạ Thị Giang	Nữ	29/10/1979	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Hồng Phong	88		88
43	B080047	Trương Thúy Hằng	Nữ	16/01/1979	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Ngũ Hùng	86	5	91
44	B080048	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	07/9/1991	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Ngũ Hùng	79		79
45	B080049	Phạm Thị Hương	Nữ	14/02/1990	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Thị trần Thanh Miện	87		87
46	B080050	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	05/10/1979	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Chi Lăng Bắc	85		85
47	B080051	Liêu Thị Nguyệt	Nữ	10/4/1998	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Tứ Cường	76	5	81
48	B080053	Nguyễn Thị Phương Oanh	Nữ	04/11/1989	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Hồng Phong	85		85
49	B080054	Nguyễn Thị Sánh	Nữ	07/12/1991	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Thị trần Thanh Miện	86		86

TT	SBD	Họ và tên người đăng ký dự tuyển	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
50	B080055	Trần Thị Hồng Thảo	Nữ	15/9/1978	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Đoàn Tùng	83		83
51	B080056	Đoàn Thị Tích	Nữ	07/12/1979	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Cao Thắng	94		94
52	B080057	Đặng Anh Vân	Nữ	24/10/1982	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Ngô Quyền	91		91
53	B080058	Trần Thị Vũ	Nữ	13/8/1975	Giáo viên Tiếng Anh	Trường Tiểu học Tứ Cường	87	5	92
54	B100059	Trần Văn Dân	Nam	12/9/1981	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Thị trần Thanh Miện	86		86
55	B100060	Phạm Thị Huệ	Nữ	05/12/1982	Giáo viên Tin học	Trường Tiểu học Ngũ Hùng	85	5	90
56	B220061	Bùi Thị Đào	Nữ	09/11/1994	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Thanh Tùng	57		57
57	B220062	Nguyễn Thị Sơn	Nữ	27/01/1985	Nhân viên Kế toán	Trường Tiểu học Thanh Tùng	82,5		82,5
58	C070063	Khổng Quốc Phương	Nam	29/11/1990	Giáo viên thể dục	Trường THCS Lê Hồng	91		91
59	C090064	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	21/01/1994	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Ngũ Hùng	78		78
60	C090065	Nguyễn Viết Tiến	Nam	24/12/1991	Giáo viên Tiếng Anh	Trường THCS Đoàn Kết	49	2,5	51,5
61	C120066	Nguyễn Thị Anh	Nữ	22/5/1991	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Đoàn Tùng	85		85
62	C120067	Nguyễn Thị Hào	Nữ	11/9/1990	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Đoàn Tùng	80,5		80,5
63	C120069	Nguyễn Thị Hường	Nữ	23/10/1997	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Lê Hồng	76		76
64	C120070	Đào Thị Thảo	Nữ	07/5/1993	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Lê Hồng	73,5		73,5
65	C120071	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	02/12/1991	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Đoàn Tùng	64		64
66	C150072	Trần Thị Chi	Nữ	26/10/1996	Giáo viên Toán	Trường THCS Đoàn Tùng	90		90

TT	SBD	Họ và tên người đăng ký dự tuyển	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Kết quả điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm
67	C150073	Nguyễn Thị Dung	Nữ	28/8/1989	Giáo viên Toán	Trường THCS Phạm Kha	84		84
68	C150074	Trần Thị Dung	Nữ	07/8/1995	Giáo viên Toán	Trường THCS Đoàn Tùng	71,5		71,5
69	C150075	Đoàn Thị Thu Hiền	Nữ	19/01/1998	Giáo viên Toán	Trường THCS Chi Lăng Bắc	90		90
70	C150076	Tạ Thị Bích Loan	Nữ	05/3/1988	Giáo viên Toán	Trường THCS Chi Lăng Bắc	89		89
71	C150077	Phạm Thị Nga	Nữ	09/6/1992	Giáo viên Toán	Trường THCS Lam Sơn	81		81
72	C150078	Đỗ Văn Trình	Nam	13/3/1996	Giáo viên Toán	Trường THCS Thị trần Thanh Miện	93		93
73	C160079	Vũ Xuân Hải	Nam	28/10/1991	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Đoàn Tùng	83		83
74	C160080	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	11/9/1991	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Chi Lăng Bắc	91		91
75	C170081	Vũ Thị Anh	Nữ	20/6/1997	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Thị trần Thanh Miện	84,5		84,5
76	C170082	Vũ Thị Huệ	Nữ	02/01/1990	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Thị trần Thanh Miện	66		66
77	C170084	Đinh Thị Phương	Nữ	09/12/1991	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Thị trần Thanh Miện	65,5		65,5
78	C170085	Nguyễn Thị Phương	Nữ	25/01/1994	Giáo viên Hóa học	Trường THCS Thị trần Thanh Miện	75,5		75,5
79	C180086	Nguyễn Thị Loan	Nữ	17/10/1988	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Tân Trào	84		84
80	C230087	Phạm Mai Hạnh	Nữ	24/4/1985	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Ngô Quyền	77	5	82
81	C230088	Dương Thị Lan Hương	Nữ	25/8/1992	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Thanh Giang	93,5		93,5
82	C230089	Ngô Thị Mai	Nữ	11/4/1982	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Thanh Giang	52,5		52,5
83	C230090	Bùi Thị Mai Phương	Nữ	20/5/1994	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Tân Trào	82,5		82,5

